

Bản án số: 886/2020/DS-PT

Ngày: 16-9-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán* – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Thẩm phán:* 1/ Ông Hoàng Hữu Thanh

2/ Ông Trần E Phúc

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Đức Toàn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/TLPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 685/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 1 bị kháng cáo.

Theo Quyết D đưa vụ án ra xét xử số 4255/2020/QĐXXPT-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết D hoãn phiên tòa số 9300/QĐ-PT ngày 21/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Xuân A, sinh năm 1946.

Địa chỉ: 65 đường P, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi ở hiện tại: 1079 đường 10B, khu phố 5, phường K, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện của nguyên đơn: Ông C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 10.01 Lô A Chung cư T, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Hoàng Hữu D, sinh năm 1967.

Địa chỉ: 19-21 đường N, phường Tân D, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Hoàng Đại Q, sinh năm 1963.

2/ Bà Nguyễn Thị Uyên T, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: 19- 21 đường N, phường Tân D, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Xuân A và đại diện ủy quyền - ông Phan Văn V trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Ngày 01/3/2012, ông Bùi Xuân A cho ông Hoàng Hữu D vay số tiền 2.600.000.000 đồng với lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay 01 năm. Hợp đồng vay tiền trên được ông Hoàng Đại E là anh trai của ông Hoàng Hữu D bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán gốc và lãi hàng tháng nếu đến hạn mà ông D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho ông A.

Trong quá trình vay, ông D đã thanh toán được số tiền lãi: 76.000.000 đồng và không tiếp tục thực hiện việc trả nợ như đã cam kết.

Do đó, ông khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 1 yêu cầu:

Buộc ông Hoàng Hữu D thanh toán cho ông những khoản tiền sau:

+ Tiền nợ gốc: 2.600.000.000 đồng;

+ Tiền lãi tạm tính từ ngày 01/3/2012 đến ngày 01/3/2013: 312.000.000 đồng, nhưng ông D đã thanh toán được 76.000.000 đồng, còn lại là 236.000.000 đồng.

Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 02/3/2013 đến ngày xét xử vụ án trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quy D của pháp luật.

Trường hợp ông D không thanh toán được khoản nợ trên thì yêu cầu Tòa án buộc ông Hoàng Đại E (là người bảo lãnh cam kết trả nợ thay ông D khi ông D không trả) thanh toán số tiền nợ trên cho ông.

Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án, quyết D của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Hoàng Hữu D trình bày:

Sau khi thụ lý vụ kiện, Tòa án nhân dân Quận 1 đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết D đưa vụ án ra xét xử, Quyết D hoãn phiên tòa tại địa chỉ của bị đơn thể hiện trong hợp đồng vay tiền lập ngày 01/3/2012 giữa ông Bùi Xuân A, ông Hoàng Hữu D, ông Hoàng Đại E và theo kết quả xác minh của Công an phường Tân D, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, bị đơn đã không đến Tòa tham gia tố tụng cũng như không có bất cứ một văn bản nào trình bày ý kiến, yêu cầu của mình về ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Ông Hoàng Đại E trình bày tại đơn khiếu nại và giải trình ngày 05/9/2014 và ngày 09/9/2014:

Ngày 10/9/2007, em ruột ông là ông Hoàng Hữu D ký hợp đồng thuê căn nhà 19 đường Bà Huyện Thanh Quan, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Bùi Xuân A, giá thuê theo thỏa thuận là 4.500 Đô la Mỹ/tháng, không xuất hóa đơn; ký hợp đồng giá thuê là 8.000.000 đồng/tháng để ông D hạch toán chi phí việc thuê nhà, nhưng không xuất hóa đơn. Hiện em ông bị phá sản, phải trốn nợ. Do em ông là ông D ký nhận nợ vay với ông A với tiền lãi suất cao tồ đong, cộng dồn là 2.600.000.000 đồng và thấy em ông bị ép, bị xã hội đen đe dọa nếu ông không ký bảo lãnh trong hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2012 thì ông A không đồng ý cho ông D sang nhượng hợp đồng thuê nhà 19 đường Bà Huyện Thanh Quan để trả nợ nên ông đã ký làm chứng vào văn bản trên. Đây là khoản tiền không có thật, là tiền lãi cộng dồn, không đưa tiền trực tiếp cho em ông. Do việc thanh toán công nợ giữa ông A và ông D chưa rõ ràng nên không thể một mình ông giải quyết. Mặt khác, ông E cho rằng ông không có chức năng bảo lãnh cho người khác vay tiền nên việc ông ký tên với tư cách là người bảo lãnh cho ông D là không có giá trị.

+ Bà Nguyễn Thị Uyên T trình bày trong đơn khiếu nại ngày 24/9/2014:

Giấy vay nợ của ông A và ông D và chồng bà (ông E) không ký trước mặt công chứng, bà nghe nói ông D bị đòi nợ, bị đánh đập; ông D phải sang nhượng dự án 19 Bà Huyện Thanh Quan để trả nợ nhưng bị ông A (là chủ nhà cho D thuê) ra điều kiện ép D là phần nợ tiền lãi còn lại là 2.600.000.000 đồng phải có anh ruột là ông E ký vào giấy nhận nợ thì ông A mới đồng ý cho ông D sang nhượng dự án văn phòng 19 Bà Huyện Thanh Quan cho bên khách thuê. Chồng bà là ông E không bảo lãnh cho ông D vay 2.600.000.000 đồng của ông A mà bị ép phải ký nhận phần tiền lãi tồn đọng của em ruột (ông D). Việc làm ăn, vay nợ giữa ông A, ông D cũng như việc chồng bà là ông E bà không biết nên không chịu trách nhiệm.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án nhân dân Quận 1 ban hành Quyết D áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 41/2014/QĐ-ADBPCTT ngày 08/8/2014 về việc phong tỏa căn nhà số 19-21 Nguyễn Hữu Cầu, phường Tân D, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để bảo đảm thi hành án. Do có đơn khiếu nại của ông E, bà Trang, sau khi xem xét, Tòa án nhân dân Quận 1 đã ban hành Quyết D hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 69/2014/QĐ-BPKCTT ngày 26/11/2014 về việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được Tòa án áp dụng tại Quyết D áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 41/2014/QĐ-ADBPCTT ngày 08/8/2014.

Tại bản án số 685/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 1 đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - ông Bùi Xuân A: Buộc ông Hoàng Hữu D phải trả cho ông Bùi Xuân A 2.600.000.000 (hai tỷ sáu trăm triệu) đồng nợ gốc và 1.562.000.000 (một tỷ năm trăm sáu mươi hai triệu) đồng nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, tổng cộng: 4.162.000.000 (bốn tỷ một trăm sáu mươi hai triệu) đồng.

Trường hợp ông Hoàng Hữu D không thi hành, thi hành không đủ số tiền nêu trên thì buộc ông Hoàng Đại E phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Hoàng Hữu D. Ông Hoàng Đại E sau khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình có quyền yêu cầu bên được bảo lãnh là ông Hoàng Hữu D thực hiện nghĩa vụ tương ứng đối với mình theo quy D của pháp luật.

Kể từ ngày ông Bùi Xuân A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hoàng Hữu D, ông Hoàng Đại E chưa thi hành, thi hành không đủ thì phải trả lãi đối với số chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy D, tương ứng với số tiền, thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông E kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử ông A về tội cho vay nặng lãi, ông E không có trách nhiệm trả nợ cho ông A, ông E bị ép phải ký làm chứng cho quan hệ giữa hai bên và khoản tiền 2.600.000.000 đồng chỉ là tiền lãi cộng dồn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Hoàng Đại E vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trên và yêu cầu Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa trong thời gian 90 ngày để ông E liên lạc với ông D. Đồng thời, ông E yêu cầu giám D phần chữ viết “tôi đã nhận đủ 2.600.000.000 (hai tỷ sáu trăm triệu)” chỉ được viết chèn sau khi ký hợp đồng vay tiền. Số tiền ông D nợ ông A phát sinh trước khi các bên ký hợp đồng vay tiền nên không làm phát sinh trách nhiệm bảo lãnh của ông E.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Quá trình tiến hành tố tụng của cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy D của Luật Tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy D của Luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu tính lãi suất nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

Xét kháng cáo của ông E: Ông E kháng cáo trong hạn nên được chấp nhận về hình thức.

Về nội dung: Ông E thừa nhận có ký vào Hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2012 giữa ông A và ông D với trách nhiệm của người bảo lãnh nên phải chịu trách nhiệm của người bảo lãnh theo quy D của pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông E.

### **NHẬN D CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, việc trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý

kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Hoàng Đại E làm trong hạn luật D nên được chấp nhận.

[2] Ông Hoàng Hữu D và bà Nguyễn Thị Uyên Trang đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy D của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Ông Hoàng Đại E có đơn yêu cầu xin hoãn phiên tòa trong 90 ngày để liên lạc với ông D để yêu cầu ông D khai rõ khoản tiền vay. Tuy nhiên, trong đơn xin hoãn của ông E và tại phiên tòa phúc thẩm ông E đều thừa nhận ông D đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú và không rõ đi đâu. Trong quá trình tham gia tố tụng, ông E cũng đã nhiều lần xin hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của ông E là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn tự nguyên rút lại yêu cầu buộc ông D phải thanh toán số tiền lãi phát sinh là 1.562.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[5] Xét nội dung kháng cáo của ông E: Yêu cầu hủy án sơ thẩm vì ông A không cho ông D vay tiền mà đây là tiền lãi cộng dồn, ông E bị ép buộc ký bảo lãnh vào Hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2012 vì nếu không ký thì ông A không cho ông D sang lại hợp đồng thuê nhà; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền giữa ông A là bên cho vay và ông D là bên vay, ông E là bên bảo lãnh cho ông D được lập ngày 01/3/2012 có nội dung như sau: Ông A đồng ý cho ông D vay số tiền 2.600.000.000 đồng; lãi suất vay: 1%/tháng, tiền lãi trả vào ngày 01 đến 03 hàng tháng; thời hạn vay: 12 tháng. Nếu ông D thực hiện đúng việc trả lãi hàng tháng thì ông A có thể xem xét cho vay tiếp. Ông E đồng ý bảo lãnh số tiền vay gốc và lãi hàng tháng cho ông D, tức là ông E sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho ông D nếu đến thời hạn mà ông D không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ đối với ông A; cuối bản hợp đồng vay tiền này có dòng chữ viết tay đã nhận đủ 2.600.000.000 đồng và các chữ ký của ông D, ông A và ông E.

Ông E thừa nhận toàn bộ nội dung được ghi nhận trong Hợp đồng vay tiền này là đúng và được các bên đồng ý ký tên trên hợp đồng vay này. Việc ông E cho rằng đây là tiền lãi cộng dồn và ông E bị ép ký bảo lãnh nhưng ông E

không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh cho việc trình bày của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

Ông E cho rằng đại diện nguyên đơn xác D khoản nợ 2.600.000.000 đồng này là bao gồm nhiều khoản nợ ông D nợ ông A trước đó được cộng lại nên nghĩa vụ bảo lãnh của ông E không phát sinh là không có căn cứ; bởi lẽ, số tiền này đã được các bên xác nhận và thỏa thuận bằng Hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2012 và ông E trực tiếp ký nhận trách nhiệm bảo lãnh của mình trên hợp đồng này nên phải chịu trách nhiệm bảo lãnh theo quy D của pháp luật.

Hợp đồng vay tiền do các bên xác lập ngày 01/3/2012 không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cấp sơ thẩm căn cứ nội dung của hợp đồng vay tiền tuyên buộc ông D phải có trách nhiệm trả tiền vay cho ông A là phù hợp với quy D tại Khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và buộc trách nhiệm bảo lãnh của ông E trong trường hợp ông D không thanh toán hoặc thanh toán không đủ tiền cho ông A là phù hợp với quy D Điều 361 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông E thừa nhận chữ viết “tôi đã nhận đủ 2.600.000.000 (hai tỉ sáu trăm triệu)” được ông D viết trước mặt ông E trên Hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2012 nên yêu cầu giám D chữ viết này được viết chèn sau khi các bên đã ký hợp đồng vay tiền là không cần thiết.

Từ những nhận D trên, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông E giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, do đại diện nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi suất và cấp phúc thẩm đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi lãi suất của nguyên đơn nên cần sửa một phần quyết D của bản án sơ thẩm, chỉ buộc ông D trả cho ông A số tiền nợ gốc 2.600.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

#### [4] Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm: ông Hoàng Hữu D phải nộp 84.000.000đ.
- Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông E không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông E.

Vì những lẽ nêu trên,

Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 289; Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

## QUYẾT D:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Đại E; sửa một phần của bản án sơ thẩm.

Áp dụng Khoản 2 Điều 305; 361; 367; Khoản 5 Điều 474 và Khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

Tuyên xử :

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Bùi Xuân A yêu cầu ông Hoàng Hữu D thanh toán số tiền lãi là 1.562.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - ông Bùi Xuân A: Buộc ông Hoàng Hữu D phải trả cho ông Bùi Xuân A 2.600.000.000 (hai tỷ sáu trăm triệu) đồng nợ gốc ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông Hoàng Hữu D không thi hành, thi hành không đủ số tiền nêu trên thì buộc ông Hoàng Đại E phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Hoàng Hữu D. Ông Hoàng Đại E sau khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình có quyền yêu cầu bên được bảo lãnh là ông Hoàng Hữu D thực hiện nghĩa vụ tương ứng đối với mình theo quy D của pháp luật.

Kể từ ngày ông Bùi Xuân A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hoàng Hữu D, ông Hoàng Đại E chưa thi hành, thi hành không đủ thì phải trả lãi đối với số chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy D, tương ứng với số tiền, thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng Hữu D phải chịu là 84.000.000 (tám mươi bốn triệu) đồng.

Ông Bùi Xuân A không phải chịu; hoàn lại cho ông Bùi Xuân A 44.360.000 (bốn mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AD/2011/06633 ngày 04/4/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Đại E không phải nộp nên hoàn lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo cho ông Hoàng Đại E đã nộp 300.000đ



theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/ 023994 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1.

Trường hợp bản án, quyết D được thi hành theo quy D tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy D tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy D tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM
- Tòa án nhân dân Quận 1;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cúc**